BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 1141/QĐ - BTNMT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

V/v tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2016

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 39/2012/ NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành tài nguyên và môi trường;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho 66 tập thể và 237 cá nhân thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2016 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Tiền thưởng được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các tập thể, cá nhân có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT, TĐKTTT, LT55.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà

DANH SÁCH TẶNG BẰNG KHEN CỦA
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2016
(Kèm theo Quyết định số 1144/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

I. Tập thể

1. Vụ Kế hoạch.
2. Vụ Khoa học và Công nghệ
3. Vụ Hợp tác quốc tế.
4. Phòng Tổ chức-Hành chính, Văn phòng Bộ.
5. Phòng Tiếp dân và Xử lý đơn thư, Thanh tra Bộ.
6. Trung tâm Điều dưỡng và Phục hồi chức năng.
7. Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
8. Trung tâm Chất lượng và Bảo vệ tài nguyên nước, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
9. Trung tâm Dữ liệu Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
10. Phòng Thông tin và Dữ liệu KTTV, Đài KTTV khu vực Việt Bắc, Trung tâm KTTV quốc gia.
11. Phòng Dự báo, Đài KTTV khu vực Đông Bắc, Trung tâm KTTV quốc gia.
12. Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Hải Dương, Đài KTTV khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, Trung tâm KTTV quốc gia.
13. Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Thái Bình, Đài KTTV khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, Trung tâm KTTV quốc gia.
14. Đài KTTV khu vực Bắc Trung Bộ, Trung tâm KTTV quốc gia.
15. Phòng Quản lý lưới trạm, Đài KTTV khu vực Bắc Trung Bộ, Trung tâm KTTV quốc gia.
16. Đài KTTV khu vực Trung Trung Bộ, Trung tâm KTTV quốc gia.
17. Phòng Dự báo, Đài KTTV khu vực Nam Trung Bộ, Trung tâm KTTV quốc gia.
18. Phòng Thông tin và Dữ liệu KTTV, Đài KTTV khu vực Nam Trung Bộ, Trung tâm KTTV quốc gia.
19. Phòng Quản lý Mạng lưới trạm, Đài KTTV khu vực Nam Trung Bộ, Trung tâm KTTV quốc gia.
20. Phòng Dự báo, Đài KTTV khu vực Tây Nguyên, Trung tâm KTTV quốc gia.
21. Ban Tổ chức cán bộ, Trung tâm KTTV quốc gia.
22. Cục Quy hoạch đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai.

23. Vụ Địa chất, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
24. Vụ Khoáng sản, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
25. Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
26. Vụ Hợp tác quốc tế và Khoa học, Công nghệ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
27. Cục Kiểm soát hoạt động khoáng sản miền Nam, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
28. Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Bắc, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
29. Trung tâm Thông tin Lưu trữ địa chất, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
30. Văn phòng Tổng cục Môi trường.
31. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
32. Văn phòng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam
33. Vụ Chính sách và Pháp chế, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
34. Cục Quản lý khai thác biển và hải đảo, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
35. Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu.
36. Phòng Kế hoạch-Tài chính, Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu.
37. Văn phòng Cục Quản lý tài nguyên nước.
38. Trung tâm Thẩm định-Tư vấn tài nguyên nước, Cục Quản lý tài nguyên nước.
39. Phòng Tổ chức cán bộ, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.
40. Phòng Công nghệ và Thẩm định, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.
41. Phòng Biên giới trên đất liền, Trung tâm Biên giới và Địa giới, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.
42. Trung tâm Thiết kế-Tư vấn đo đạc và bản đồ, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.
43. Cục Viễn thám quốc gia.
44. Đài viễn thám trung ương, Cục Viễn thám quốc gia.
45. Văn phòng Cục Viễn thám quốc gia.
46. Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Cục Viễn thám quốc gia.
47. Phòng Tài chính- Kế toán, Cục Viễn thám quốc gia.
48. Cục Công nghệ thông tin.
49. Phòng Pháp chế và Quản lý hoạt động công nghệ thông tin, Cục Công nghệ thông tin.
50. Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao công nghệ, Cục Công nghệ thông tin.
51. Trung tâm Lưu trữ và Thông tin tài nguyên môi trường, Cục Công nghệ thông tin.
52. Trung tâm Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, Cục Công nghệ thông tin.
53. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
54. Phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
55. Phòng Thanh tra Giáo dục và Pháp chế, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

56. Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
57. Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường.
58. Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
59. Phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
60. Phòng Nghiên cứu Viễn thám và Hệ thống thông tin địa lý, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
61. Phòng Tổ chức cán bộ, Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
62. Công ty Cổ phần Đo đạc và Khoáng sản, Tổng công Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
63. Phòng Tài chính-Kế toán, Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Tài nguyên-Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
64. Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Tài nguyên-Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
65. Xí nghiệp Đo vẽ ảnh số và Địa tin học, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
66. Xí nghiệp Trắc địa Bản đồ 305, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.

II. Cá nhân

1. Bà Phan Việt Nga, Phó Vụ trưởng Vụ Tài chính.
2. Bà Ngô Thị Thủy, Quyền Trưởng phòng Kế toán, Vụ Tài chính.
3. Bà Nguyễn Thị Minh Thu, chuyên viên Phòng Quản lý Tài chính-tổng hợp, Vụ Tài chính.
4. Ông Phạm Hoàng, Chuyên viên Phòng Đầu tư phát triển, Vụ Kế hoạch.
5. Ông Nguyễn Đức Cường, Chuyên viên, Phòng Kế hoạch ngành, Vụ Kế hoạch.
6. Bà Đinh Thị Tuyết, Phó Trưởng phòng Xây dựng pháp luật và Kiểm soát thủ tục hành chính, Vụ Pháp chế.
7. Bà Phạm Thị Huế, Phó Trưởng phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật, Vụ Pháp chế.
8. Ông Nguyễn Văn Hiếu, Chuyên viên Phòng Tiêu chuẩn-Quy chuẩn, Vụ Khoa học và Công nghệ
9. Ông Trần Văn Tĩnh, Chuyên viên chính Vụ Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền.
10. Ông Phạm Ngọc Bách, Phó Trưởng phòng Tuyên truyền-Báo chí, Vụ Thi đua, Khen thưởng và Tuyên truyền.
11. Bà Nguyễn Thị Huyền, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.
12. Ông Trần Đức Huân, Trưởng phòng Tổ chức, biên chế và Cải cách hành chính, Vụ Tổ chức cán bộ.
13. Bà Nguyễn Kim Chi, Chuyên viên chính, Vụ Tổ chức cán bộ.

14. Bà Đỗ Thị Tâm, Quyền Chánh Văn phòng Đảng-Đoàn thể.
15. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan, Chuyên viên phòng Kế hoạch-Tài chính, Văn phòng Bộ.
16. Ông Hà Khắc Dũng, Nhân viên phòng quản lý xe, Văn phòng Bộ.
17. Bà Trần Thị Dung, Chuyên viên phòng Văn thư - Lưu trữ, Văn phòng Bộ.
18. Bà Nguyễn Thị Hiền, Chuyên viên Trung tâm quản lý trụ sở Bộ, Văn phòng Bộ.
19. Ông Nguyễn Hữu Linh, Nhân viên Phòng Tổng hợp, Văn phòng Bộ.
20. Ông Lại Thiên Thành, Chuyên viên Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia.
21. Bà Nguyễn Thị Thu Linh, Phó Chánh Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam.
22. Ông Nguyễn Huy Phương, Phó Trưởng phòng Kế hoạch và Quản lý chương trình, Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam.
23. Ông Lê Vũ Tuấn Anh, Phó Chánh Thanh tra Bộ.
24. Ông Ngô Văn Thọ, Chánh Văn phòng Thanh tra Bộ.
25. Ông Nguyễn Văn Lực, Phó Trưởng phòng Tiếp dân và Xử lý đơn thư, Thanh tra Bộ.
26. Ông Hà Văn Tiến, Thanh tra viên, Thanh tra Bộ.
27. Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng.
28. Ông Đỗ Đức Thắng, Kế toán trưởng Văn phòng Trung tâm, Ban Kế hoạch - Tài chính, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
29. Ông Đỗ Khắc Dũng, Ban Kế hoạch - Tài chính, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
30. Ông Đỗ Xuân Khôi, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
31. Ông Cao Minh Hoàng, Phó Đoàn trưởng Đoàn tài nguyên nước Bắc Tây Nguyên, Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
32. Ông Phan Quốc Hùng, Đoàn tài nguyên nước Nam Trung Bộ, Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
33. Ông Trần Văn Dũng, Trưởng phòng Thí nghiệm, Trung tâm Chất lượng và Bảo vệ tài nguyên nước, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.
34. Ông Trần Thị Phương Hoa, Viên chức Đài KTTV tỉnh Điện Biên, Đài KTTV khu vực Tây Bắc, Trung tâm KTTV quốc gia.
35. Ông Nguyễn Vũ Thắng, Giám đốc Đài KTTV khu vực Đông Bắc, Trung tâm KTTV quốc gia.
36. Ông Phạm Văn Xuyên, Trưởng phòng, Phòng Dự báo, Đài KTTV khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, Trung tâm KTTV quốc gia.

37. Ông Trần Cảnh Tiêu, Trưởng phòng Quản lý mạng lưới trạm, Đài KTTV khu vực Bắc Trung Bộ, Trung tâm KTTV quốc gia.
38. Bà Phạm Thị Lan, Trưởng Trạm Thủy văn Mai Hóa, Đài KTTV khu vực Trung Trung Bộ, Trung tâm KTTV quốc gia.
39. Ông Nguyễn Xuân Bảo, Kỹ sư - Phòng Quản lý Mạng lưới trạm, Đài KTTV khu vực Nam Trung Bộ, Trung tâm KTTV quốc gia.
40. Ông Giáp Văn Vinh, Giám đốc Trung tâm Thủy văn Sông Cửu Long, Đài KTTV khu vực Nam Bộ, Trung tâm KTTV quốc gia.
41. Bà Đặng Thanh Mai, Phó Giám đốc Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn Trung ương, Trung tâm KTTV quốc gia.
42. Ông Hoàng Văn Quản, Trưởng ban Ban Kế hoạch - Tài chính, Trung tâm KTTV quốc gia.
43. Ông Đinh Thái Hưng, Trưởng ban Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Trung tâm KTTV quốc gia.
44. Ông Nguyễn Trung Kiên, Phó trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng Tổng cục Quản lý đất đai
45. Bà Bùi Thị Thanh Huyền, Chuyên viên chính, Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Quản lý đất đai
46. Bà Lương Thị Thanh, Chuyên viên, Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Quản lý đất đai
47. Ông Hoàng Tuấn Vũ, Chuyên viên Vụ Chính sách và Pháp chế, Tổng cục Quản lý đất đai
48. Bà Đinh Hoàng Oanh, Chuyên viên Vụ Chính sách và Pháp chế, Tổng cục Quản lý đất đai
49. Bà Nguyễn Thị Thu Hồng, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Khoa học, Công nghệ, Tổng cục Quản lý đất đai
50. Bà Đỗ Thị Minh Tâm, Chuyên viên, Vụ Hợp tác quốc tế và Khoa học, Công nghệ, Tổng cục Quản lý đất đai
51. Ông Nguyễn Văn Chiến, Phó Cục trưởng, Cục Đăng ký đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai
52. Ông Đinh Văn Cung, Trưởng phòng Đo đạc bản đồ, Cục Đăng ký đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai
53. Bà Phạm Thị Thịnh, Trưởng phòng Đăng ký đất đai, Cục Đăng ký đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai
54. Ông Nguyễn Mạnh Thường, Chuyên viên Cục Quy hoạch đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai
55. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Trưởng phòng Bồi thường về đất, Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất, Tổng cục Quản lý đất đai

56. Ông Hà Trọng Vĩnh, Phó trưởng phòng Giá đất, Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất, Tổng cục Quản lý đất đai
57. Bà Đỗ Thị Hạnh Hoa, Chuyên viên Cục Kiểm soát quản lý và sử dụng đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai
58. Ông Võ Anh Tuấn, Giám đốc Trung tâm Định giá đất và Kiểm định địa chính, Tổng cục Quản lý đất đai
59. Ông Quách Công Huân, Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Truyền thông đất đai, Tổng cục Quản lý đất đai
60. Ông Nguyễn Văn Nguyên, Phó Tổng Cục trưởng, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
61. Bà Nguyễn Thị Mai Diên, Vụ trưởng, Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
62. Bà Đào Thu Quyên, Chuyên viên, Vụ Hợp tác quốc tế và Khoa học, Công nghệ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
63. Ông Nguyễn Bá Minh, Phó Vụ trưởng, Vụ Địa chất, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
64. Ông Trần Phương, Chánh Văn phòng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
65. Ông Phan Xuân Chiến, Chuyên viên, phòng Hành chính Tổng hợp, Văn phòng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
66. Bà Nguyễn Thị Thu Hà, Phó Chánh Văn phòng, Cục Kinh tế Địa chất và Khoáng sản, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
67. Ông Đặng Quốc Tiến, Phó Cục trưởng Cục Kiểm soát hoạt động khoáng sản miền Trung, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
68. Bà Trần Thị Oanh, Giám đốc Trung tâm Phân tích thí nghiệm, Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Bắc, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
69. Ông Đào Văn Tám, Phó trưởng phòng Kỹ thuật – Kế hoạch, Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Nam, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
70. Ông Phạm Văn Hiệp, Kỹ sư Địa chất, Liên đoàn Địa chất Đông Bắc, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
71. Ông Nguyễn Trung Kiên, Phó Liên Đoàn trưởng, Liên đoàn Địa chất Tây Bắc, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
72. Ông Lê Xuân Lợi, Liên đoàn trưởng, Liên đoàn Địa chất Bắc Trung Bộ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
73. Ông Lê Công Tuấn, Trưởng phòng Phân tích, Liên đoàn địa chất Trung Trung Bộ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
74. Ông Nguyễn Quang Huân, Trưởng phòng Kỹ thuật-Kế hoạch, Liên đoàn Địa chất Xạ - Hiếm, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

75. Ông Nguyễn Trường Lưu, Phó Liên đoàn trưởng, Liên đoàn Vật lý Địa chất, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
76. Ông Bùi Viết Sáng, Phó Đoàn trưởng Đoàn INTERGEO 6, Liên đoàn INTERGEO, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
77. Bà Nguyễn Thị Thúy, Chánh Văn phòng, Trung tâm Kiểm định Công nghệ địa chất, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.
78. Bà Nguyễn Thị Thiên Phương, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Khoa học, Công nghệ, Tổng cục Môi trường.
79. Ông Hồ Kiên Trung, Chánh Văn phòng Tổng cục Môi trường.
80. Ông Phạm Hồng Sơn, Cục trưởng Cục Môi trường miền Trung và Tây Nguyên, Tổng cục Môi trường.
81. Ông Nguyễn Việt Dũng, Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Truyền thông môi trường, Tổng cục Môi trường.
82. Ông Nguyễn Quốc Hoàn, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Môi trường.
83. Bà Nguyễn Tân Huyền, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Môi trường.
84. Bà Huỳnh Thị Mai, Phó Cục trưởng Cục Bảo tồn đa dạng sinh học, Tổng cục Môi trường.
85. Bà Nguyễn Thị Nguyệt Ánh, Phó Giám đốc Trung tâm Quan trắc môi trường, Tổng cục Môi trường.
86. Ông Nguyễn Xuân Thủy, Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin và Tư liệu môi trường, Tổng cục Môi trường .
87. Bà Tống Thị Thùy Dương, Chuyên viên chính Vụ Kế hoạch-Tài chính, Tổng cục Môi trường.
88. Ông La Trần Bắc, Chuyên viên Vụ Hợp tác quốc tế và Khoa học, Công nghệ, Tổng cục Môi trường.
89. Bà Nguyễn Thị Hồng Liễu, Trưởng phòng Bảo vệ môi trường lưu vực sông và vùng ven biển, Cục Quản lý chất thải và Cải thiện môi trường, Tổng cục Môi trường.
90. Ông Ngô Thượng Cát, Chánh Văn phòng Trung tâm Tư vấn và Công nghệ môi trường, Tổng cục Môi trường.
91. Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh, Trưởng phòng Quản lý môi trường và phát triển bền vững, Viện Khoa học môi trường, Tổng cục Môi trường.
92. Ông Phạm Trọng Duy, Trưởng phòng Kiểm soát ô nhiễm nước và đất, Cục Kiểm soát ô nhiễm, Tổng cục Môi trường.
93. Ông Trần Ngọc Cường, Trưởng phòng Sinh thái, Cục Bảo tồn đa dạng sinh học, Tổng cục Môi trường.
94. Ông Nguyễn Thành Minh, Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
95. Ông Phạm Ngọc Sơn, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
96. Ông Phạm Ngọc Long, Chánh Văn phòng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

97. Ông Hoàng Nhất Thống, Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
98. Ông Nguyễn Văn Lương, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
99. Bà Phạm Thị Thanh Phượng, Chuyên viên Vụ Chính sách và Pháp chế, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
100. Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Cục trưởng Cục Kiểm soát tài nguyên và Bảo vệ môi trường biển, hải đảo, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
101. Ông Nguyễn Lê Tuấn, Viện trưởng Viện Nghiên cứu biển và hải đảo, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
102. Ông Võ Xuân Hùng, Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin, dữ liệu biển và hải đảo, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
103. Ông Đoàn Trường Giang, Trưởng phòng Tổ chức-Hành chính, Trung tâm Thông tin, dữ liệu biển và hải đảo, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
104. Ông Trần Hữu Phúc, Phó Giám đốc Trung tâm Quy hoạch và Quản lý tổng hợp vùng duyên hải khu vực phía Nam, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
105. Ông Trịnh Nguyên Tính, Giám đốc Trung tâm Điều tra tài nguyên-môi trường biển, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam.
106. Bà Trương Thị Yến, Chánh Văn phòng Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu.
107. Ông Lương Quang Huy, Trưởng phòng Giám sát phát thải khí nhà kính và Kinh tế các bon thấp, Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu.
108. Bà Nguyễn Diệu Huyền, Chuyên viên Phòng Hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn, Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu.
109. Ông Nguyễn Quang Đức, Chuyên viên chính phòng Kế hoạch, Cục Quản lý tài nguyên nước.
110. Ông Ngô Chí Hướng, Trưởng phòng Pháp chế, Cục Quản lý tài nguyên nước.
111. Ông Nguyễn Tuấn Anh, Viên chức Trung tâm Công nghệ tài nguyên nước, Cục Quản lý tài nguyên nước.
112. Bà Bùi Thị Xuân Thu, Chuyên viên Cục Quản lý tài nguyên nước.
113. Ông Đoàn Văn Long, Giám đốc Trung tâm Công nghệ tài nguyên nước, Cục Quản lý tài nguyên nước.
114. Ông Đặng Minh Cường, Phó Chánh Văn phòng Cục Quản lý tài nguyên nước.
115. Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Phó trưởng phòng Phát triển Công nghệ, Trung tâm Công nghệ tài nguyên nước, Cục Quản lý tài nguyên nước.
116. Ông Trương Quảng Đại, Chuyên viên phòng Quản lý quy hoạch và điều tra cơ bản tài nguyên nước, Cục Quản lý tài nguyên nước.
117. Bà Đỗ Thị Thu Thủy, Phó Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.

118. Ông Đoàn Quang Tạo, Phó Trưởng phòng Công nghệ và Thẩm định, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.
119. Bà Kiều Thị Minh Nguyệt, nguyên Chuyên viên Phòng Công nghệ và Thẩm định, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.
120. Bà Trần Thị Thu Hằng, Chuyên viên Phòng Pháp chế, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.
121. Ông Phạm Tiến Dũng, Giám đốc Trung tâm Biên giới và Địa giới, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.
122. Ông Hoàng Thế Dũng, Trưởng phòng Biên giới trên đất liền, Trung tâm Biên giới và Địa giới, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.
123. Bà Phan Thị Nguyệt Quế, Trưởng phòng Kỹ thuật và Cơ sở dữ liệu, Trung tâm Biên giới và Địa giới, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.
124. Ông Đỗ Văn Đậu, nguyên Phó Giám đốc, Trung tâm Kiểm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.
125. Ông Lưu Văn Giang, Phó Giám đốc Trung tâm Địa tin học, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.
126. Ông Phạm Hữu Trực, Giám đốc Trung tâm Thông tin Dữ liệu đo đạc và bản đồ, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.
127. Ông Lê Minh Sơn, Giám đốc Đài viễn thám Trung ương, Cục Viễn thám quốc gia.
128. Ông Lê Quốc Hưng, Trưởng phòng Công nghệ viễn thám, Cục Viễn thám quốc gia.
129. Bà Tạ Thanh Hương, Phó trưởng phòng Kế toán - Tài chính, Cục Viễn thám quốc gia.
130. Bà Nguyễn Thị Thu, Chuyên viên Văn phòng, Cục Viễn thám quốc gia.
131. Bà Đặng Thu Trà, Trưởng phòng Bản đồ và Cơ sở dữ liệu, Trung tâm Dịch vụ viễn thám và địa tin học, Cục Viễn thám quốc gia.
132. Ông Vũ Văn Phong, Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, Trung tâm Thành lập và hiện chỉnh bản đồ viễn thám, Cục Viễn thám quốc gia.
133. Ông Lê Trung Thông, Trưởng phòng Ứng dụng công nghệ viễn thám, Cục Viễn thám quốc gia.
134. Ông Trần Văn Đoài, Phó Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin.
135. Ông Nguyễn Bảo Trung, Phó Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin.
136. Bà Văn Thị Hoài Thanh, Chuyên viên Văn phòng Cục Công nghệ thông tin.
137. Ông Trần Trung Hùng, Trưởng phòng Pháp chế và Quản lý hoạt động Công nghệ thông tin, Cục Công nghệ thông tin.
138. Ông Nguyễn Văn Thái, Phó trưởng Phòng Kế hoạch Tài chính, Cục Công nghệ thông tin.
139. Ông Đỗ Ngọc Hải, Chuyên viên, Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Cục Công nghệ thông tin.

140. Bà Trần Nguyệt Ánh, Chuyên viên, Phòng Hệ thống thông tin, Cục Công nghệ thông tin.
141. Ông Nguyễn Xuân Thang, Phó Giám đốc điều hành Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao công nghệ, Cục Công nghệ thông tin.
142. Ông Nguyễn Quang Trung, Kỹ sư, Trung tâm Công nghệ phần mềm và GIS, Cục Công nghệ thông tin.
143. Ông Nguyễn Thành Trung, Trưởng phòng Lưu trữ, Trung tâm Lưu trữ và Thông tin tài nguyên môi trường, Cục Công nghệ thông tin.
144. Ông Lê Minh Quang, Trưởng phòng An toàn thông tin số và Xử lý sự cố, Trung tâm Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, Cục Công nghệ thông tin.
145. Ông Lê Huy Toàn, Phó Giám đốc điều hành Trung tâm Kiểm định sản phẩm công nghệ thông tin, Cục Công nghệ thông tin.
146. Ông Trương Anh Quốc, Kỹ sư, Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin phía Nam, Cục Công nghệ thông tin.
147. Ông Phạm Thanh Sơn, Nhân viên Phòng Công tác học sinh-sinh viên, Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung.
148. Ông Mai Ngọc Uyên, Trưởng bộ môn Chính trị-Giáo dục thể chất, Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung.
149. Ông Nguyễn Khắc Tuyến, Lái xe, Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung.
150. Bà Tạ Thị Duyên, Chuyên viên Phòng Tổ chức-Hành chính, Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung.
151. Bà Lê Thị Liên, Giảng viên Khoa Trắc địa Bản đồ và Địa chất Khoáng sản, Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung.
152. Bà Nguyễn Thị Hồng Huế, Kế toán viên, Phòng Kế hoạch-Tài chính, Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung.
153. Bà Bùi Thị Tuyết, Phó trưởng khoa Khí tượng Thủy văn, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.
154. Ông Nguyễn Lữ Phương, Trưởng bộ môn Quản lý môi trường, Khoa môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.
155. Ông Hồ Ngọc Vinh, Phó trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.
156. Bà Diệp Thị Thu Ngân, Nhân viên, Phòng Kế hoạch-Tài chính, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.
157. Bà Nguyễn Thị Lệ Phi, Giảng viên, Khoa khoa học đại cương, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.
158. Bà Lê Minh Vĩnh, Phó trưởng khoa Trắc địa và Bản đồ, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

159. Bà Trịnh Hồng Phương, Giảng viên Khoa Địa chất và Khoáng sản, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.
160. Bà Đinh Thị Nga, Phó trưởng phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.
161. Ông Phạm Quý Nhân, Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
162. Ông Ngô Quang Phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
163. Ông Nguyễn Văn Hưởng, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
164. Ông Nguyễn Đức Huy, Phó trưởng Phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
165. Ông Hoàng Ngọc Quang, Giảng viên cao cấp Hạng I, Khoa Tài nguyên nước, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
166. Ông Phạm Đức Quán, Phó Giám đốc điều hành, Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ và Bồi dưỡng cán bộ công chức, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
167. Ông Trần Văn Thơm, Phó trưởng trạm, Phụ trách Trạm Y tế, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
168. Ông Phạm Đình Tâm, Trưởng Bộ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
169. Bà Nguyễn Thị Luyến, Trưởng Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
170. Bà Vũ Thị Mạc Dung, Phó Trưởng bộ môn, Phụ trách bộ môn Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam-Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
171. Bà Nguyễn Tân Huyền, Phó trưởng Khoa kinh tế tài nguyên và môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
172. Bà Nguyễn Thị Minh Sáng, Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng và Giáo dục, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
173. Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Giảng viên Khoa khoa học đại cương, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
174. Ông Phạm Kiên Cường, Phó trưởng Bộ môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
175. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân, Trưởng ban, Khoáng sản và Tài nguyên nước, Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường.
176. Ông Lại Văn Mạnh, Phó trưởng ban Kinh tế tài nguyên và môi trường, Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường.

177. Bà Trương Thủy Mai, Nghiên cứu viên, Ban Môi trường và phát triển bền vững, Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường.
178. Bà Huỳnh Thị Thu Hà, Kế toán trưởng, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản.
179. Bà Đặng Trần Như Thủy, Chuyên viên, Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản.
180. Bà Ngô Thị Thúy Hường, Phó Giám đốc, Trung tâm Karst và Di sản địa chất, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản.
181. Ông Nguyễn Đức Phong, quyền Trưởng phòng Cổ sinh-Địa tầng, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản.
182. Ông Đoàn Thế Anh, Nghiên cứu viên, Phòng Kiến tạo-Địa mạo, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản.
183. Ông Phạm Ngọc Dũng, Nghiên cứu viên, Phòng Thạch luận-Trầm tích luận, Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản.
184. Ông Hoàng Sâm, Lái xe Văn phòng Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản.
185. Ông Dương Anh Tuấn, Tổ trưởng, Tổ Vận tải Văn phòng Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản.
186. Ông Nguyễn Công Sơn, Phó trưởng phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ.
187. Ông Nguyễn Mạnh Dũng, Chuyên viên, Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ.
188. Bà Phạm Kiều Hoa, Chuyên viên, Phòng Kế hoạch Tài chính, Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ.
189. Ông Lưu Hải Âu, Giám đốc Trung tâm Tin học Trắc địa và Bản đồ, Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ.
190. Ông Trần Văn Tý, Đoàn trưởng, Đoàn triển khai Công nghệ Đo đạc và Bản đồ, Trung tâm Triển khai Công nghệ Đo đạc và Bản đồ, Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ.
191. Bà Huỳnh Thị Lan Hương, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
192. Bà Ngô Thị Hằng, Phó Chánh Văn phòng, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
193. Ông Vi Văn Khoan, Lái xe, Văn phòng Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
194. Ông Trần Tuấn Hoàng, Trưởng phòng Nghiên cứu Hải văn, Phân viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
195. Ông Trần Sơn, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu môi trường, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

196. Bà Trần Diệu Hằng, Trưởng phòng Nghiên cứu quản lý môi trường, Trung tâm nghiên cứu môi trường, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
197. Ông Lương Hữu Dũng, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Thủy văn và Tài nguyên nước, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
198. Ông Vũ Văn Thăng, Phó Giám đốc điều hành, Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng-Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
199. Ông Đỗ Đình Chiến, Giám đốc Trung tâm Tư vấn, Dịch vụ Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu.
200. Bà Đặng Diệu Thúy, Phó Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
201. Ông Đặng Văn Long, Chánh Văn phòng, Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
202. Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên, Phó Trưởng phòng Tài chính-Kế toán, Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
203. Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Phó Ban Kế hoạch-Kỹ thuật, Xí nghiệp tài nguyên và Môi trường 1, Chi nhánh Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
204. Bà Phạm Thị Mỹ Hạnh, Tổ trưởng Tổ trạm ảnh số 1, Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 1, Chi nhánh Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
205. Ông Nguyễn Văn Cường, Đội trưởng Đội đo đạc số 8, Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 3, Chi nhánh Tổng công Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
206. Ông Đặng Xuân Hiệu, Tổ trưởng Tổ Đo đạc số 1, Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 3, Chi nhánh Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
207. Ông Nguyễn Minh Chúc, Đội trưởng Đội Đo đạc số 3, Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 4, Chi nhánh Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
208. Đặng Văn Ngà, Đội trưởng Đội đo đạc số 9, Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 5, Chi nhánh Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
209. Ông Vũ Đình Trường, Phó Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường 7, Chi nhánh Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
210. Ông Đinh Văn Tư, Kỹ thuật viên Đội Trắc địa 5, Công ty cổ phần Đo đạc và Khoáng sản, Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
211. Ông Nguyễn Cát Đỉnh, Đội trưởng Đội đo đạc số 6, Xí nghiệp Trắc địa bản đồ, Chi nhánh Công ty cổ phần Tài nguyên-Môi trường Biển, Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
212. Ông Tăng Bá Xoài, Đội trưởng Đội đo đạc số 3, Xí nghiệp Tài nguyên và Môi trường Biển, Chi nhánh Công ty cổ phần Tài nguyên-Môi trường Biển, Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.

213. Bà Trịnh Thị Minh Lý, Phó Trưởng phòng Tài chính-Kế toán, Công ty cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường, Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
214. Ông Đỗ Văn Thái, Giám đốc Trung tâm Quy hoạch và Dịch vụ Tài nguyên môi trường, Chi nhánh Công ty cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường, Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
215. Ông Nguyễn Viết Toản, Trưởng ban Kế hoạch-Kỹ thuật, Xí nghiệp Địa chính và Tài nguyên môi trường 1, Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường, Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
216. Ông Đồng Văn Chính, Đoàn trưởng, Đoàn Địa chính Tư vấn đất đai 2, Công ty cổ phần Địa chính và Tài nguyên Môi trường, Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
217. Ông Nguyễn Quốc Huy, Quản đốc Nhà máy In Bản đồ, Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Tài nguyên-Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
218. Ông Trần Từ Công, Giám đốc Trung tâm Phát hành, Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Tài nguyên-Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
219. Ông Phạm Hồng Thái, Tổ trưởng Tổ máy gấp, Nhà máy In Bản đồ, Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Tài nguyên-Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
220. Ông Nguyễn Hải Thanh, Kế toán trưởng Nhà máy In Bản đồ, Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Tài nguyên-Môi trường và Bản đồ Việt Nam./.
221. Ông Tăng Bá Nam, Giám đốc Xí nghiệp Trắc Địa Bản đồ 203, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
222. Ông Nguyễn Thành Công, Giám đốc Chi nhánh, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
223. Ông Hồ Viết Luận, Phó Giám đốc Xí nghiệp Trắc địa Bản đồ 201, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
224. Ông Nguyễn Văn Điển, Nhân viên Văn phòng, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
225. Ông Trần Văn Thạch, Chuyên viên Văn phòng, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
226. Ông Vũ Văn Du, Chuyên viên phòng Quản lý chất lượng sản phẩm, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
227. Ông Đỗ Mạnh Long, Tổ trưởng sản xuất, Xí nghiệp Trắc địa bản đồ 301, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
228. Bà Ngô Thị Diệu Thúy, Chuyên viên Xí nghiệp Đo vẽ ảnh và Địa tin học, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
229. Ông Phạm Minh Thiệu, Tổ trưởng sản xuất, Xí nghiệp Trắc địa bản đồ 103, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.

230. Ông Nguyễn Văn Đồng, Tổ trưởng sản xuất Xí nghiệp Trắc địa Bản đồ 301, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
231. Bà Lê Thị Hồng, Kỹ thuật viên Xí nghiệp Trắc địa Bản đồ 305, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
232. Ông Lê Ngọc Quý, Tổ phó sản xuất, Trung tâm Tài nguyên Nước và Môi trường, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
233. Bà Lê Thị Thu Hiền, Phụ trách kế toán, Xí nghiệp Đo vẽ ảnh số và Địa tin học, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
234. Ông Phạm Ngọc Thống, Kỹ thuật viên, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên đất, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam.
235. Ông Hoàng Mạnh Hà, Phó Tổng Biên tập, Báo Tài nguyên và Môi trường.
236. Bà Vũ Kim Liên, Trưởng phòng phóng viên, Báo Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.
237. Ông Lê Hải Lâm, Chuyên viên phòng Tín dụng Xử lý môi trường tập trung, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam./.